

Số: 2865/BTP-TĐKT

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2019

V/v hướng dẫn tổng kết phong trào thi đua
“Ngành Tư pháp chung sức xây dựng nông
thôn mới” giai đoạn 2011-2020

Kính gửi:

- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Hướng dẫn số 748/HD-BTĐKT ngày 24/4/2019 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương hướng dẫn tổng kết phong trào thi đua “*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*” giai đoạn 2011-2020, Kế hoạch số 1526/KH-BTP ngày 03/5/2019 của Bộ Tư pháp về việc tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, Bộ Tư pháp hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ, Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành thực hiện tổng kết phong trào thi đua “Ngành Tư pháp chung sức góp phần xây dựng nông thôn mới” (sau đây gọi tắt là phong trào thi đua) được Bộ Tư pháp phát động tại Kế hoạch số 2611/KH-BTP ngày 03/4/2012 về việc phát động và tổ chức thực hiện phong trào thi đua “*Ngành Tư pháp chung sức góp phần xây dựng nông thôn mới*” và Quyết định số 2288/QĐ-BTP ngày 31/10/2016 về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “*Ngành Tư pháp chung sức góp phần xây dựng nông thôn mới*” giai đoạn 2016 -2020 như sau:

A. TỔNG KẾT PHONG TRÀO THI ĐUA “NGÀNH TƯ PHÁP CHUNG SỨC GÓP PHẦN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI” GIAI ĐOẠN 2011-2020

I. Hình thức, thời gian triển khai

Căn cứ yêu cầu điều kiện thực tiễn, các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Kế hoạch, lựa chọn hình thức tổ chức tổng kết phong trào thi đua phù hợp. Các cơ quan, đơn vị hoàn thành việc tổng kết trong tháng 8/2019 và gửi báo cáo tổng kết phong trào thi đua (*có đề cương Báo cáo gửi kèm công văn*) về Bộ Tư pháp (qua Vụ Thi đua – Khen thưởng) **trước ngày 30/8/2019**, đồng thời gửi bản mềm vào địa chỉ thidukhenthuong@moj.gov.vn để tổng hợp.

Bộ Tư pháp thực hiện việc tổng kết phong trào thi đua gắn với tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020.

II. Nội dung tổng kết

1. Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc hưởng ứng phát động, tổ chức triển khai phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ trương xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà nước; công tác sơ kết, tổng kết phong trào thi đua;

2. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí của phong trào thi đua thông qua các hoạt động cụ thể, thiết thực hưởng ứng cùng các cấp chính quyền địa phương phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu Bộ, Ngành và địa phương giao trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ cụ thể của đơn vị, trong đó chú trọng vào tiêu chí 18.5 về “Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (*nêu rõ các hoạt động, phong trào đã tổ chức, tham gia hoặc hưởng ứng, đóng góp ngày công, đóng góp ủng hộ về nhân lực, vật lực, giá trị đóng góp... bằng các số liệu cụ thể*);

3. Đánh giá tác động cụ thể của thực hiện phong trào thi đua trong góp phần hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới đối với cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã gắn với tiếp tục đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và các phong trào thi đua của ngành Tư pháp nhằm tạo động lực mới cho phong trào thi đua yêu nước của ngành Tư pháp;

4. Đánh giá mặt mạnh, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm trong triển khai thực hiện phong trào thi đua; những kiến nghị, đề xuất tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Ngành Tư pháp chung sức xây dựng nông thôn mới ” trong những năm tiếp theo;

5. Thực hiện bình xét, biểu dương, khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền (cấp Tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước) khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua.

B. KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI TẬP THỂ, CÁ NHÂN CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA “NGÀNH TƯ PHÁP CHUNG SỨC GÓP PHẦN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI” GIAI ĐOẠN 2011-2020

I. Đối tượng, thẩm quyền, hình thức khen thưởng

1. Khen thưởng theo thẩm quyền của các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự căn cứ quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và các tiêu chuẩn nêu tại tiểu mục 1 Mục

II Phần B Công văn này chủ động xây dựng các tiêu chí khen thưởng phù hợp với đối tượng, nội dung phong trào, hưởng ứng phong trào thi đua của đơn vị, tiến hành xem xét, tổ chức khen thưởng theo thẩm quyền (Giấy khen) đối với các tập thể nhỏ và cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý đạt thành tích xuất sắc trong hưởng ứng thực hiện phong trào thi đua.

- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và các tiêu chuẩn nêu tại các tiểu mục 1 và 2 Mục II Phần B Công văn này xem xét khen thưởng theo thẩm quyền đối với các tập thể nhỏ và cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý và các tập thể, cá nhân khác đạt thành tích xuất sắc trong hưởng ứng thực hiện phong trào thi đua chung và thực hiện tiêu chí 18.5 về nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 619/QĐ-TTG ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Quyết định số 619/QĐ-TTG).

- Bộ Tư pháp lựa chọn, xét tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” đối với một số tập thể và cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong số các tập thể, cá nhân được các đơn vị giới thiệu, đề nghị.

2. Đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng

- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp căn cứ quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và các tiêu chuẩn nêu tại tiểu mục 1 và 2 Mục II Phần B Công văn này lựa chọn 01 tập thể hoặc 01 cá nhân xuất sắc nhất để đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp xét tặng Bằng khen;

- Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và các tiêu chuẩn nêu tại tiểu mục 1 Mục II Phần B Công văn này lựa chọn 01 tập thể hoặc 01 cá nhân xuất sắc nhất để đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp xét tặng Bằng khen;

- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và các tiêu chuẩn nêu tại các tiểu mục 1 và 2 Mục II Phần B Công văn này lựa chọn 01 tập thể hoặc 01 cá nhân xuất sắc nhất để đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp xét tặng Bằng khen; chủ động tham mưu đề nghị Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới nói chung và nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 1600/QĐ-TTg), Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 và Quyết định số

619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Quyết định số 619/QĐ-TTg), đồng thời tham mưu việc chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ này theo quy định của pháp luật thi đua, khen thưởng về tuyến trình và thẩm quyền khen thưởng;

- Bộ Tư pháp xem xét, lựa chọn 02 đến 03 tập thể là các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp có thành tích tiêu biểu, xuất sắc nhất trong tham gia xây dựng nông thôn mới trong số các tập thể đủ điều kiện xét, tặng thưởng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” và 01 đến 02 cá nhân trực thuộc Bộ Tư pháp có thành tích nổi bật nhất trong xây dựng nông thôn mới trong số các cá nhân đủ điều kiện xét, tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” để đề nghị tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” hoặc đề nghị Chủ tịch nước tặng “Huân chương Lao động” hạng ba.

II. Tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng

1. Đối với thực hiện các tiêu chí chung tại Quyết định số 2288/QĐ-BTP ngày 31/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Ngành Tư pháp chung sức góp phần xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020

1.1. Tiêu chuẩn đối với tập thể

“Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tổ chức thực hiện có kết quả các nội dung, nhiệm vụ phong trào thi đua theo Quyết định số 2288/QĐ-BTP ngày 31/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Ngành Tư pháp chung sức góp phần xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020; có nhiều hoạt động tiêu biểu nhằm thực hiện phong trào thi đua với nội dung và hình thức phong phú, huy động được sự tham gia hưởng ứng tích cực của nhiều cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc quyền quản lý;

b) Có mô hình và cách làm hay đã được các đơn vị triển khai có hiệu quả tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa thuộc phạm vi lĩnh vực mình quản lý; tham gia chỉ đạo, hỗ trợ các địa phương xây dựng nông thôn mới;

c) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không có cá nhân vi phạm kỷ luật phải bị xử lý từ hình thức khiển trách trở lên.

1.2. Tiêu chuẩn đối với cá nhân

“Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Tham gia hưởng ứng tích cực, đạt thành tích xuất sắc trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua;
- b) Có sáng kiến, giải pháp hữu ích trong việc xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách, hướng dẫn hoặc tháo gỡ khó khăn cho cơ sở trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;
- c) Có nhiều đóng góp công sức, vật chất, đất đai trong xây dựng nông thôn mới (có số liệu cụ thể);
- d) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Đối với thực hiện tiêu chí 18.5 về nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg và Quyết định số 619/QĐ-TTg

2.1. Tiêu chuẩn đối với tập thể

“Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn tương ứng đối với từng đối tượng, cụ thể như sau:

2.1.1. Đối với các tập thể của Bộ Tư pháp

a) Tham mưu Lãnh đạo Bộ triển khai thực hiện kịp thời các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch hằng năm của Ban chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia; tham mưu Lãnh đạo Bộ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định;

b) Tham mưu Lãnh đạo Bộ kiến nghị, đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản góp phần thực hiện toàn diện, bền vững xây dựng nông thôn mới và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; truyền thông nâng cao vai trò, vị trí của Ngành Tư pháp trong xây dựng nông thôn mới, tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với thực hiện các tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới;

c) Lựa chọn ít nhất 01 xã khó khăn, đặc biệt khó khăn để hỗ trợ, làm điểm xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (trọng tâm là hỗ trợ, triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng tài liệu phổ biến pháp luật...).

2.1.2. Đối với tập thể ở cấp tỉnh

a) Ban hành kịp thời văn bản triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 619/QĐ-TTg, Quyết định số 699/QĐ-BTP ngày 22/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Quyết định số 699/QĐ-BTP);

b) Hàng năm tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận

pháp luật theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Tư pháp (ban hành văn bản riêng hoặc lồng ghép);

c) Có tổ chức tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

d) Có ít nhất 90% đơn vị cấp huyện đều có xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Số lượng cấp xã trên địa bàn đã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong năm 2017 và năm 2018 đạt trung bình từ 70% trở lên;

đ) Lựa chọn ít nhất 01 xã để hỗ trợ, làm điểm xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đề xuất, triển khai các giải pháp đối với cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, khắc phục tồn tại, hạn chế trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

2.1.3. Đối với tập thể ở cấp huyện

a) Ban hành kịp thời các văn bản triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 619/QĐ-TTg, Quyết định số 699/QĐ-BTP và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân, Sở Tư pháp cấp tỉnh (ban hành văn bản riêng hoặc lồng ghép);

b) Tổ chức quán triệt, triển khai, tập huấn về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

c) Số lượng cấp xã trên địa bàn đã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong năm 2017 và năm 2018 đạt trung bình từ 70% trở lên;

d) Đề xuất, triển khai các giải pháp đối với cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, khắc phục tồn tại, hạn chế trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

2.1.4. Đối với tập thể ở cấp xã

a) Ban hành văn bản phân công, xác định trách nhiệm, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, công chức chuyên môn trong tham mưu, triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

b) Đã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định trong 02 năm liên tục (2017 – 2018);

c) Chủ động đề xuất, triển khai các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế đối với các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật đạt kết quả còn thấp sau mỗi lần đánh giá theo quy định.

2.2. Tiêu chuẩn đối với cá nhân

“Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tham mưu xây dựng, ban hành các văn bản và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị;

b) Có sáng kiến, giải pháp để thực hiện có hiệu quả các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn;

c) Tham gia hưởng ứng tích cực, đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đánh giá, công nhận, xây dựng xã tiếp cận pháp luật, bảo đảm và tăng cường tiếp cận pháp luật cho người dân góp phần thiết thực đối với Phong trào Ngành Tư pháp chung sức góp phần xây dựng nông thôn mới;

d) Đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

III. Hồ sơ, thủ tục xét tặng và đề nghị xét tặng

1. Hồ sơ thủ tục xét khen thưởng theo thẩm quyền và trình cấp có thẩm quyền khác khen thưởng

Hồ sơ, thủ tục xét khen thưởng theo thẩm quyền của các đơn vị thuộc Bộ, Sở Tư pháp, Cục thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và hồ sơ, thủ tục trình cấp có thẩm quyền khác khen thưởng được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và quy định của các cơ quan, tổ chức có liên quan về tuyển trình khen thưởng.

2. Hồ sơ đề nghị xét, tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp”

Hồ sơ đề nghị xét, tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” được lập thành 01 Bộ, gửi về Vụ Thi đua – Khen thưởng, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp **trước ngày 30/8/2019**, gồm các văn bản sau:

a) Tờ trình đề nghị xét, tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BTP ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp (01 bản chính - kèm theo danh sách tập thể, cá nhân được đề nghị);

b) Biên bản bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BTP ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp (01 bản chính);

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị theo mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BTP ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp (01 bản chính).

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và “Huân chương Lao động” hạng ba

Hồ sơ đề nghị khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã được Bộ Tư pháp lựa chọn, đề nghị được thực hiện theo đúng các quy định của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, gồm:

a) Tờ trình của Thủ trưởng đơn vị kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng theo mẫu quy định (01 bản);

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở theo mẫu quy định (01 bản);

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng có đầy đủ xác nhận theo mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 91/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ (05 bản đối với các trường hợp đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng "Huân chương Lao động" hạng ba; 04 bản đối với các trường hợp đề nghị "Bằng khen của Thủ tướng chính phủ").

Nội dung báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân phải nêu được kết quả nổi bật theo sát các tiêu chuẩn khen thưởng đối với từng đối tượng quy định tại Mục II phần B công văn này đồng thời ghi rõ các hình thức khen thưởng đã được ghi nhận trong phong trào thi đua từ Bằng khen cấp Bộ, ngành, địa phương trở lên (nếu có).

Đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng là đơn vị thuộc Bộ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ thì "Báo cáo thành tích" phải có xác nhận của Lãnh đạo Bộ phụ trách đơn vị.

(Thời gian gửi hồ sơ sẽ được Bộ Tư pháp thông báo sau)

Lưu ý: Ngoài bộ hồ sơ gửi theo đường công văn, đề nghị các đơn vị đồng thời gửi các file điện tử của hồ sơ trình (ở định dạng .doc đối với các tờ trình, danh sách, báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị, ở định dạng .pdf đối với các hồ sơ khác có liên quan) đến hộp thư điện tử của Vụ Thi đua - Khen thưởng (thidukhenthuong@moj.gov.vn).

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ hướng dẫn này Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp; Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phản ánh kịp thời về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp (Vụ Thi đua - Khen thưởng) qua chuyên viên phụ trách Cụm, Khu vực thi đua để được hướng dẫn, giải đáp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để báo cáo);
- Các thành viên HĐTĐKT Ngành (để biết);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công TTĐT của Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, Vụ TĐKT.

**TL.BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ THI ĐUA - KHEN THƯỞNG**



Nguyễn Thị Tố Nga

ĐỀ CƯƠNG

BÁO CÁO TỔNG KẾT PHONG TRÀO THI ĐUA "NGÀNH TƯ PHÁP CHUNG SỨC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI" GIAI ĐOẠN 2011-2020

*(Kèm theo Công văn số 2865 /BTP-TĐKT ngày 21/7/2019 của Bộ Tư pháp,
hướng dẫn tổng kết phong trào thi đua "Ngành Tư pháp chung sức góp phần xây
dựng nông thôn mới")*

BÁO CÁO

TỔNG KẾT PHONG TRÀO THI ĐUA "NGÀNH TƯ PHÁP CHUNG SỨC GÓP PHẦN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI" GIAI ĐOẠN 2011-2020

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ PHONG TRÀO THI ĐUA ĐÃ THỰC HIỆN

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm tình hình

Nêu những đặc điểm, tình hình liên quan có tác động đến việc triển khai phong trào thi đua "Ngành Tư pháp chung sức xây dựng nông thôn mới" (đặc điểm tình hình ở địa phương, cơ quan, đơn vị).

2. Thuận lợi, khó khăn

II. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN PHONG TRÀO THI ĐUA

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phát động phong trào thực hiện phong trào thi đua "Ngành Tư pháp chung sức xây dựng nông thôn mới"

a) Giai đoạn I: từ năm 2011-2015

- Kết quả tổ chức quán triệt, xây dựng, ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo (Nghị quyết, Chỉ thị, Kế hoạch, Chương trình...) để thực hiện phong trào thi đua.

- Đánh giá việc tổ chức phát động, triển khai chỉ đạo phong trào thi đua trong đó tập trung kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao gắn với các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trong các lĩnh vực xây dựng, thi hành pháp luật; kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở; thi hành án dân sự; hành chính tư pháp; hỗ trợ tư pháp; trợ giúp pháp lý; đăng ký và triển khai giúp đỡ các địa phương (xã, huyện...) xây dựng nông thôn mới, gắn với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

b) Giai đoạn II: từ năm 2016-2020

- Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị về việc tổ chức phát động, triển khai phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua; kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao gắn với các tiêu chí xây dựng nông thôn mới tại Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Ngành Tư pháp chung sức góp phần xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 2288/QĐ-BTP ngày 31/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư

pháp, trong đó tập trung vào tiêu chí 18.5 về nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

- Phân công nhiệm vụ, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả chỉ đạo thực hiện của các cấp...

2. Công tác tuyên truyền

- Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng, tư tưởng chỉ đạo, cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng nông thôn mới.

- Việc ký kết các chương trình phối hợp liên tịch (nếu có) để tuyên truyền về phong trào thi đua “Ngành Tư pháp chung sức góp phần xây dựng nông thôn mới”.

- Đánh giá hiệu quả của công tác tuyên truyền, vận động đối với việc triển khai thực hiện phong trào thi đua, gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; trong đó nêu rõ kinh nghiệm hay, cách làm sáng tạo góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác truyền thông đối với việc xây dựng nông thôn mới.

III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả hưởng ứng, thực hiện phong trào thi đua

- Đánh giá công tác tổ chức, triển khai thực hiện phong trào thi đua;
- Đánh giá về nhận thức, vai trò, vị trí, tầm quan trọng của phong trào thi đua;
- Đánh giá tác động của phong trào thi đua trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Cách làm hay, sáng tạo, huy động nguồn lực xã hội hóa, phát huy sáng kiến và đề xuất chính sách xây dựng nông thôn mới phù hợp với từng địa phương.

3. Phong trào xây dựng nông thôn mới gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05- CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị.

4. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện phong trào thi đua.

5. Công tác sơ kết, tổng kết hằng năm đối với phong trào thi đua.

6. Công tác khen thưởng, động viên đối với tập thể, cá nhân của cơ quan, đơn vị có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua (số liệu khen thưởng tính đến thời điểm có báo cáo, có so sánh số liệu khen thưởng giai đoạn 2011-2015 với giai đoạn 2016-2020).

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Tồn tại, hạn chế.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế.

a) Nguyên nhân chủ quan.

b) Nguyên nhân khách quan.

4. Bài học kinh nghiệm.
5. Đề xuất, kiến nghị (nếu có).

Phần thứ hai

**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN PHONG TRÀO THI
ĐUA ĐẾN NĂM 2020**

I. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

II. CÁC BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

